

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 245/2025/DS-ST

Ngày: 18-9-2025

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Bà Ngô Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 515/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn Th, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Khu phố A, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố A, phường H, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Khu phố A, phường X, Tp P, tỉnh Bình Thuận) và bà Trương Kiều V, sinh năm 1998, địa chỉ: Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Khu phố A, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận) theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 003292, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2024 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Phúc.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu L, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố B, phường M, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Khu phố B, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận).

Tại phiên tòa có mặt bà Vân và Bà L; vắng mặt bà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng Ông Phan Văn Th, bà Trần Thị Kim Ph với Bà Hoàng Thị Thu L là hàng xóm có mối quan hệ thân thiết. Do cần vốn làm ăn nên Bà L đã vay

của Ông Th, bà Ph số tiền là 750.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 07/7/2022 Bà L vay 450.000.000 đồng, thời hạn là 01 năm; ngày 20/12/2022 Bà L tiếp tục vay số tiền 555.000.000 đồng, đến ngày 20/02/2023 Bà L phải trả số tiền này.

Mặc dù trong các giấy vay tiền không có nhắc đến tiền lãi nhưng thực tế các bên thỏa thuận miệng về tiền lãi nhưng Bà L trả được vài tháng thì không trả.

Đến ngày 17/10/2023 các bên viết lại giấy vay tiền để xác nhận lại số tiền Bà L còn nợ là 750.000.000 đồng, kể từ đó Bà L không trả cho Ông Th, bà Ph khoản tiền nào nên yêu cầu Bà L trả cho Ông Th, bà Ph số tiền là 750.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 20/11/2024 cho đến khi có bản án của tòa.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Bà L trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng và không yêu cầu Bà L trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Hoàng Thị Thu L trình bày:

Vào năm 2015 bà có vay bà Ph nhiều lần với tổng số tiền là 750.000.000 đồng, với lãi suất 6%/tháng, như vậy 750.000.000 đồng bà phải trả lãi 01 tháng là 45.000.000 đồng, chia thành nhiều lần trong tháng.

Đến năm 2016, bà trả cho bà Ph được 600.000.000 đồng, còn thiếu bà Ph lại 150.000.000 đồng, số tiền này vẫn trả lãi hàng tháng là 9.000.000 đồng.

Đến năm 2021 và 2022, bà có vay bà Ph 04 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng. Lúc này thì bà Ph đòi bà với lãi suất 7%/tháng. Tổng số tiền cũ 150.000.000 đồng (2016) và 400.000.000 đồng là 550.000.000 đồng, hàng tháng phải trả lãi cho bà Ph là 37.000.000 đồng, cũng chia thành nhiều lần trong tháng. Cho đến đầu năm 2024 bà có hết hụi trả cho bà Ph 35.000.000 đồng.

Khoảng thời gian sau này do bế tắc mọi chuyện, bà có vay bà Ph thêm 50.000.000 đồng, cũng chỉ để trả lãi cho bà Ph. Số tiền 50.000.000 đồng này bà Ph đòi lãi suất 5.000.000 đồng/tháng.

Vậy số tiền gốc bà nhận từ bà Ph từ năm 2016 đến nay tổng cộng là 600.000.000 đồng.

Với số tiền gốc 600.000.000 đồng, vì lãi quá cao qua nhiều năm phải trả lãi cho bà Ph trên bậc tỷ. Bà đề nghị tòa tính lãi toàn bộ tiền lãi đã trả cho bà Ph đối với số tiền 150.000.000 đồng từ năm 2016 và số tiền 450.000.000 đồng theo lãi suất mà pháp luật, để trừ vào tiền gốc 600.000.000 đồng, nếu bà còn nợ thì sẽ trả từ từ cho bà Ph. Về số tiền lãi đã trả cho bà Ph của các số tiền nêu trên bà không có tài liệu gì để chứng minh việc đã trả tiền lãi do khi trả chỉ đưa tiền mặt.

Tại phiên tòa Bà L thừa nhận còn nợ bà Ph, Ông Th số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng cho Ông Th, bà Ph; bà không có đề nghị hay yêu cầu gì thêm.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về phần nội dung vụ án do nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; còn bị đơn cũng đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng cho nguyên đơn và không có đề nghị hay yêu cầu khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các bên và xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Văn Th, bà Trần Thị Kim Ph yêu cầu Bà Hoàng Thị Thu L trả nợ. Bà L có nơi cư trú tại khu phố B, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận (nay là khu phố B, phường N, tỉnh Lâm Đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết (nay là khu vực 10 – Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Bà Nguyễn Ngọc M nhưng bà M có văn bản xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 600.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về yêu cầu trả số tiền 600.000.000 đồng: Ông Th, bà Ph yêu cầu Bà L trả số tiền 600.000.000 đồng; Bà L cũng thừa nhận còn nợ Ông Th, bà Ph số tiền 600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho Ông Th, bà Ph. Như vậy có thể khẳng định Bà L còn nợ Ông Th, bà Ph số tiền 600.000.000 đồng và đến thời điểm xét xử Bà L vẫn chưa trả cho Ông Th, bà Ph số tiền này; đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Ông Th, bà Ph yêu cầu Bà L trả số tiền 600.000.000 đồng và Bà L cũng đồng ý trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Về trả lãi: Bà Ph, Ông Th không yêu cầu Bà L trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:*

Bà Hoàng Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng Bà L là người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà L có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho Bà L theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Văn Th, bà Trần Thị Kim Ph.

Buộc Bà Hoàng Thị Thu L trả cho Ông Phan Văn Th, bà Trần Thị Kim Ph số tiền là 600.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Thu L được miễn nộp án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 19.689.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002454 ngày 03/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) cho Ông Phan Văn Th, bà Trần Thị Kim Ph.

Ông Phan Văn Th, bà Trần Thị Kim Ph và Bà Hoàng Thị Thu L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV10 - Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Quách Văn Hoàng